

Số: 1958 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
thuộc lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 10/TTr-SDL ngày 07/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Sở Du lịch tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực du lịch; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC); Bộ VHTTDL;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PTTHHP, Báo HP, Chuyên trang ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC; VX; NC&KTGS;
- CV: KSTTHC5;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DU LỊCH
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (26 TTHC)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1958 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (02 TTHC)**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Du lịch	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực Lữ hành (02 TTHC)								
1	Thủ tục công nhận điểm du lịch	20 ngày	10 ngày	Sở Du lịch	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.
2	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp thành phố	45 ngày	15 ngày	Sở Du lịch	Không quy định	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ DU LỊCH (24 TTHC)**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Lữ hành (18 TTHC)							
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021. Có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023.
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm	Sở Du lịch	750.000 đ/giấy phép	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

		việc					- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021. Có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023.
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	1.000.000 đ/giấy phép	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023; - Thông tư số 13/2019/TT-

							BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021. Có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023.
4	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017. - Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021.
5	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	Không quy định	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017. - Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021.
6	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	Không quy định	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.
7	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	07 ngày làm việc hoặc 13 ngày	Sở Du lịch	3.000.000 đ/giấy phép	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016;

		làm việc trong các trường hợp cụ thể					- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
8	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
9	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
10	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc hoặc 13 ngày làm việc trong các trường hợp cụ thể	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

11	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
12	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	Không quy định	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016.
13	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày	Sở Du lịch	325.000 đ/thẻ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
14	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày	Sở Du lịch	325.000 đ/thẻ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017;

							- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
15	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày	Sở Du lịch	100.000 đ/thẻ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
16	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày	Sở Du lịch	325.000 đ/thẻ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày

							29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
17	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày	Sở Du lịch	325.000 đ/thẻ (thẻ HDV du lịch nội địa, quốc tế); 100.000 đ/thẻ (thẻ HDV du lịch tại điểm)	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023; có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày	Sở Du lịch	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.
II. Lĩnh vực Lưu trú du lịch (01 TTHC)							
19	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	30 ngày	Sở Du lịch	1.500.000 đ/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1, 2 sao; 2.000.000 đ/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

III. Dịch vụ du lịch khác (05 TTHC)

20	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
21	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
22	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
23	Thủ tục công nhận	20	Sở	1.000.000	Toàn	Nộp	- Luật Du lịch số

	cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	ngày	Du lịch	đồ hồ sơ	trình	hồ sơ và trả kết quả	09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
24	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đồ hồ sơ	Một phần		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.